

Số: /KH-SGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thí điểm Học bạ số các trường phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội

- Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo đối với nhiệm vụ Triển khai thí điểm Học bạ số;

- Căn cứ Kế hoạch số 213/KH-BGDĐT ngày 01/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai thí điểm Học bạ số cấp Tiểu học;

- Thực hiện Thông báo số 03/TB-TGV ngày 8/3/2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính - CDS - Đề án 06 về việc Kết luận của đồng chí Hà Minh Hải, Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 tại buổi làm việc về các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn Thành phố;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch Triển khai thí điểm Học bạ số các trường phổ thông cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

- Năm học 2023 - 2024, ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội có 2.852 trường mầm non, phổ thông, 29 trung tâm GDNN-GDTX và 01 trường trung cấp chuyên nghiệp với 66.611 lớp; 2.193.326 học sinh; 125.705 giáo viên. Trong đó, công lập có 2.258 trường, 48.558 lớp, 1.847.180 học sinh, 89.442 giáo viên, 47.161 phòng học; tư thục có 578 trường, 17.665 lớp, 332.071 học sinh, 35.350 giáo viên, 19.754 phòng học;

- Hiện nay, 100% thông tin học sinh phổ thông đã được cấp mã số trên cơ sở dữ liệu giáo dục đào tạo, được xác thực định danh với dữ liệu dân cư; hiện nay, 100% trường tiểu học đã trang bị đầy đủ máy tính kết nối internet, có cán bộ để vận hành hệ thống quản lý giáo dục chuyên ngành và cơ sở dữ liệu giáo dục đào tạo;

- 100% cơ sở giáo dục đã sử dụng phần mềm quản lý giáo dục chuyên ngành <https://csdl.hanoi.edu.vn> kết nối với cơ sở dữ liệu Giáo dục và Đào tạo tại <https://csdl.moet.gov.vn> (do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý) để quản lý hồ sơ học sinh, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, trích ngang hồ sơ giáo viên đáp ứng tiêu

chí “đúng, đủ, sạch, sống”, xác thực định danh công dân điện tử của cơ sở dữ liệu dân cư;

- 100% hồ sơ học sinh đã được gắn mã số định danh duy nhất, xuyên suốt quá trình học tập, sẵn sàng về dữ liệu phục vụ triển khai học bạ số;

- 100% giáo viên, nhân viên các trường học đều có kinh nghiệm, trình độ công nghệ thông tin để có thể tham gia sử dụng hệ thống quản lý thông tin giáo dục chuyên ngành;

- 100% Hồ sơ tuyển sinh các lớp Mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10 được quản lý bằng hồ sơ số;

- 100% quy trình, thủ tục tuyển sinh các cấp được thực hiện trên môi trường số;

- Từ đầu tháng 10/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông trang bị chữ ký số cá nhân cho 100% cán bộ, giáo viên để sẵn sàng triển khai học bạ số, hồ sơ chuyên môn số;

- Tính đến 15/3/2024, tổng số đã có 45,1% giáo viên, nhân viên ở các trường phổ thông đã được trang bị ký số cá nhân với tổng số lượng 37.509 ký số. (**Phụ lục 2, 3,4**)

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thí điểm Học bạ số ở các trường phổ thông nhằm xây dựng, hoàn thiện mô hình, quy trình quản lý, sử dụng Học bạ số làm cơ sở để triển khai Học bạ số thống nhất trên địa bàn Thành phố.

2. Yêu cầu

- Các nội dung thí điểm phải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu chức năng, kỹ thuật theo quy định, sẵn sàng kết nối với hệ thống quản lý thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giải pháp phần mềm Học bạ số phải bảo đảm tính kế thừa, khả thi, an toàn, đồng bộ và liên thông, tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý, sử dụng Học bạ số thay thế Học bạ giấy truyền thống trong thực hiện các thủ tục hành chính có sử dụng Học bạ.

- Các cơ sở giáo dục tham gia thí điểm phải bảo đảm các điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và nhân lực để triển khai Học bạ số.

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ tham gia thực hiện thí điểm Học bạ số phải có chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, có đủ năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Học bạ số, cam kết cung cấp dịch vụ ổn định, an toàn khi triển khai phương án, giải pháp kỹ thuật về Học bạ số.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Phạm vi thí điểm

- Các cơ sở giáo dục có thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, chủ động về nhân lực, nguồn lực để thực hiện các giải pháp, nội dung, yêu cầu đối với Học bạ số được quy định tại Phụ lục Nội dung, yêu cầu về Học bạ số kèm theo kế hoạch này.

- Bảo đảm 100% cơ sở giáo dục phổ thông tham gia thực hiện thí điểm.

- Chỉ thực hiện thí điểm đối với các khối lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4, lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 10, lớp 11 năm học 2023 - 2024 (các khối lớp thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT BGDĐT ngày 04/9/2020).

2. Đối tượng tham gia thí điểm

Các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và học sinh trong cấp tiểu học trong các cơ sở giáo dục tham gia thí điểm.

Các đơn vị cung cấp dịch vụ Học bạ số có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp phương án, giải pháp triển khai Học bạ số khả thi, an toàn, hiệu quả.

IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị giáo dục chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai thí điểm Học bạ số các trường phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

2. Xây dựng quy trình nghiệp vụ quản lý, sử dụng, vận hành các chức năng cơ bản trong tạo lập và sử dụng Học bạ số đối với từng cấp học theo các nội dung cụ thể:

- Tạo lập, cập nhật Học bạ số;

- Quản lý và lưu trữ Học bạ số;

- Sử dụng Học bạ số (tra cứu thông tin Học bạ số, thực hiện các thủ tục hành chính sử dụng, liên quan đến Học bạ số...).

- Kết nối, trao đổi dữ liệu Học bạ số với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đào tạo địa phương với cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Nâng cấp bổ sung chức năng hệ thống thông tin ngành Giáo dục và Đào tạo tại <https://csdl.hanoi.edu.vn> đáp ứng các yêu cầu về Học bạ số, cung cấp quy trình, thủ tục quản lý, sử dụng học bạ của học sinh phổ thông đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Phụ lục 1 đính kèm*).

4. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ khai thác, tạo lập, sử dụng Học bạ số cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục.

5. Thời gian thí điểm: tháng 4 năm 2024.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phòng Chính trị, tư tưởng - Khoa học công nghệ chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn và các đơn liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chịu trách nhiệm tham mưu Ban Giám đốc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội; Xây dựng, triển khai kế hoạch thí điểm Học bạ số;

- Làm đầu mối về triển khai giải pháp phần mềm kỹ số, tổ chức rà soát cơ sở vật chất, đường truyền, hạ tầng lưu trữ, hỗ trợ kỹ thuật phần mềm và các điều kiện để triển khai thử nghiệm Học bạ số;

- Chịu trách nhiệm tổ chức rà soát, hướng dẫn các đơn vị thực hiện trang cấp chữ ký số cá nhân cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia công tác Học bạ số;

- Đánh giá giải pháp kỹ thuật đảm bảo triển khai Học bạ số;

- Phối hợp với các phòng chuyên môn xây dựng quy chế quản lý chuyên môn để tạo lập, quản lý, sử dụng và chỉnh sửa Học bạ số.

b) Các Phòng chuyên môn thuộc Sở (Phòng Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học, Giáo dục thường xuyên - Đại học,...) chủ trì, phối hợp với Phòng Chính trị, tư tưởng - Khoa học công nghệ và các đơn vị liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Xây dựng quy chế quản lý chuyên môn để tạo lập, quản lý, sử dụng và chỉnh sửa Học bạ số từng cấp học;

- Chịu trách nhiệm tổ chức Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ triển khai thí điểm Học bạ số cho các cấp học;

- Chịu trách nhiệm tổ chức hỗ trợ, kiểm tra, giám sát về chuyên môn trong quá trình triển khai thí điểm Học bạ số của các cấp học trên địa bàn Thành phố;

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thí điểm Học bạ số.

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp, hướng dẫn các đơn vị việc xây dựng và thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này,

d) Phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng chịu trách nhiệm tham mưu với Ban Chỉ đạo hướng dẫn các đơn vị giáo dục, giáo viên, học sinh việc khai thác

sử dụng Học bạ số thay thế học bạ giấy trong nghiệp vụ quản lý hồ sơ thi tuyển sinh, chuyển trường, nhập học.

đ) Văn phòng Sở chịu trách nhiệm đẩy mạnh công tác truyền thông về lợi ích, ý nghĩa của Học bạ số, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh toàn ngành; Tham mưu với Ban Chỉ đạo quy trình khai thác, sử dụng Học bạ số đối với các dịch vụ công trực tuyến, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo

e) Phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra Sở chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham gia triển khai hiệu quả Kế hoạch này.

2. Các Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thí điểm Học bạ số, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra các đơn vị trường học thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn triển khai các nội dung của Kế hoạch này;

- Đẩy mạnh tuyên truyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh về lợi ích, ý nghĩa của Học bạ số;

- Chỉ đạo các trường học trên địa bàn lập kế hoạch triển khai, phân công nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm của từng cá nhân trong triển khai thí điểm Học bạ số;

- Tổ chức, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai rà soát, đánh giá, chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, nhân sự, nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai thí điểm Học bạ số;

- Chỉ đạo các trường học trên địa bàn, căn cứ Quy chế quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng quy chế quản lý chuyên môn để tạo lập, quản lý, sử dụng và chỉnh sửa Học bạ số phù hợp với thực tiễn tại đơn vị;

- Chịu trách nhiệm tổ chức Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ triển khai thí điểm Học bạ số cho các cấp học;

- Trong quá trình triển khai, thực hiện vừa làm vừa đánh giá kết quả, kịp thời có kiến nghị, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo các giải pháp triển khai hiệu quả Học bạ số.

3. Các cơ sở giáo dục

- Thành lập Tổ công tác Học bạ số tại đơn vị, lấy giáo viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số làm nòng cốt để thực hiện tốt công tác triển khai thí điểm Học bạ số;

- Đẩy mạnh tuyên truyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh về lợi ích, ý nghĩa của Học bạ số;

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch triển khai thí điểm Học bạ số, phân công nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm của từng cá nhân;

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai thí điểm:

+ Có máy vi tính kết nối mạng internet; có phần mềm quản lý nhà trường để có thông tin, dữ liệu về giáo viên, học sinh, kết quả học tập;

+ Có chữ ký số để giáo viên, ban giám hiệu ký và đóng dấu học bạ;

+ Có nhân sự để quản trị, sử dụng phần mềm Học bạ số.

- Chịu trách nhiệm tổ chức Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ cho 100% giáo viên, nhân viên để triển khai hiệu quả thí điểm Học bạ số tại đơn vị.

VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

| TT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|----|---|---------------------|-----------------|--|
| 1. | Rà soát hạ tầng kỹ thuật, nhân lực, thiết bị toàn ngành | 10/3 - 15/3/2024 | Phòng CTTT-KHCN | Phòng CTTT-KHCN |
| 2. | Hỗ trợ cấp hòm thư công vụ cho giáo viên, nhân viên | 16/3 - 31/3/2024 | Phòng CTTT-KHCN | Trung tâm điện tử tin học - Văn phòng UBND TP |
| 3. | Hướng dẫn các đơn vị trang bị chữ ký số cho giáo viên, nhân viên | 16/3 - 31/3/2024 | Phòng CTTT-KHCN | Cục chứng thư - Ban cơ yếu chính phủ |
| 4. | Xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm Học bạ số | 16/3 - 31/3/2024 | Phòng CTTT-KHCN | Các Phòng thuộc Sở |
| 5. | Rà soát, bổ sung chức năng ký số cho hệ thống quản lý thông tin giáo dục Hà Nội | Tháng 3/2024 | Phòng CTTT-KHCN | Trung tâm giải pháp phần mềm giáo dục - Cục CNTT, Bộ GDĐT và đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm ký số. |
| 6. | Hội nghị hướng dẫn triển khai thí điểm Học bạ số cấp tiểu học | Tháng 4/2024 | Phòng GDTH | Phòng CTTT-KHCN, các Phòng GDĐT và các đơn vị cung cấp giải pháp ký số |
| 7. | Triển khai thí điểm cấp Tiểu học | Tháng 4/2024 | Phòng GDTH | Phòng CTTT-KHCN, các Phòng GDĐT và các đơn vị |

| TT | Nội dung công việc | Thời gian thực hiện | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp |
|-----------|---|----------------------------|----------------------------|--|
| | | | | cung cấp giải pháp ký số |
| 8. | Hội nghị hướng dẫn thí điểm Học bạ số cấp Trung học | Tháng 5/2024 | Phòng GDTrH | Phòng CTTT-KHCN, các Phòng GDĐT và các đơn vị cung cấp giải pháp ký số |
| 9. | Triển khai thí điểm cấp Trung học | Tháng 5/2024 | Phòng GDTrH | Phòng CTTT-KHCN, các Phòng GDĐT và các đơn vị cung cấp giải pháp ký số |
| 10. | Tổ chức hỗ trợ, kiểm tra, giám sát quá trình thí điểm | Tháng 4 - 5/2024 | Phòng GDTH, GDTrH | Phòng CTTT-KHCN, các Phòng GDĐT và các đơn vị cung cấp giải pháp ký số |
| 11. | Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả quá trình thí điểm Học bạ số | Tháng 7/2024 | Phòng GDTH, GDTrH, GDTX-ĐH | Phòng CTTT-KHCN, các Phòng GDĐT và các đơn vị cung cấp giải pháp ký số |

VII. KINH PHÍ

Kinh phí tổ chức các hoạt động triển khai thí điểm Học bạ số được sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp năm 2024 và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thí điểm Học bạ số các trường phổ thông ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai các chức năng, nhiệm vụ theo Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các đơn vị có liên quan (để p/h);
- Lưu: VT, CTTT-KHCN.

GIÁM ĐỐC

Trần Thế Cường

Phụ lục 1
Nội dung, yêu cầu về Học bạ số
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày /03/2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Học bạ số

Học bạ số là học bạ được số hóa, lưu trữ trên môi trường số, có ký xác thực điện tử của cá nhân và tổ chức có thẩm quyền; có giá trị pháp lý để sử dụng trên môi trường số.

1.1. Yêu cầu về Học bạ số

- Đảm bảo lưu trữ đầy đủ, chính xác thông tin về học sinh và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong quá trình học tập tại cấp Tiểu học.
- Đảm bảo nhất quán, toàn vẹn thông tin khi học bạ đã được phát hành (không thể thay đổi thông tin)
- Có giá trị pháp lý khi sử dụng học bạ và khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan, sử dụng đến học bạ.
- Có cổng tra cứu Học bạ số trực tuyến, tổ chức, cá nhân được cấp quyền có thể truy cập để xem, đọc và sử dụng thông tin trên học bạ.
- Bảo đảm an toàn thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật.
- Được lưu trữ an toàn theo quy định.
- Đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng, quản lý, tra cứu, xác thực học bạ trực tuyến.
- Cho phép xuất ra bản mềm của Học bạ số, có thể in được trên giấy theo mẫu học bạ quy định của Bộ GDĐT, để sử dụng trong một số trường hợp cụ thể.

1.2. Cấu trúc, nội dung của Học bạ số

Nội dung trên học bạ số gồm các thông tin cá nhân của học sinh và kết quả học tập rèn luyện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và bổ sung thêm các trường thông tin sau:

- Mã số tra cứu học bạ: Mỗi học bạ (của một học sinh) sẽ được cấp một dãy số duy nhất UUID (Universal Unique Identifier - Mã số định danh duy nhất) có độ dài 32 ký tự. Dãy số này dùng để quản lý, sử dụng và tra cứu thông tin về Học bạ.
 - Mã số định danh.
 - Ngày hiệu lực của học bạ số.

Cấu trúc gói tin của Học bạ số dùng để trao đổi thông tin (giao dịch điện tử) do Bộ GDĐT quy định đảm bảo đáp ứng chuẩn dữ liệu của Bộ GDĐT đã ban hành, bảo mật, an toàn thông tin và đáp ứng các yêu cầu cơ bản về Học bạ số như nêu tại mục 1.1.

2. Tạo lập, quản lý, sử dụng và chỉnh sửa Học bạ số

2.1 . Tạo lập Học bạ số

Học bạ số được tạo lập từ cơ sở dữ liệu (CSDL) của phần mềm quản lý trường học, đảm bảo cấu trúc gói tin theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, có ký số của người đứng đầu cơ sở giáo dục (CSGD) để xác thực giao dịch điện tử và sẵn sàng kết nối báo cáo dữ liệu học bạ về Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành giáo dục của Bộ GDĐT phục vụ quản lý và khai thác sử dụng rộng rãi.

Trước ngày 30/6 hằng năm, CSGD báo cáo Học bạ số (chốt dữ liệu học bạ) của tất cả học sinh đã được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học về CSDL học bạ do Sở GDĐT quản lý.

Đối với những học sinh lớp 1 đến lớp 4 chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học tại thời điểm 30/6 và cần được đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học, sẽ được báo cáo Học bạ số (chốt dữ liệu học bạ) về CSDL học bạ của Sở trước ngày 15/8 hàng năm.

Các Học bạ số có hiệu lực sử dụng (khi đó không thể sửa, thay đổi được nội dung của Học bạ số) kể từ thời điểm chốt dữ liệu học bạ.

CSDL học bạ do Sở GDĐT quản lý là CSDL gốc về quản lý học bạ. CSDL về học bạ cho phép tiếp nhận học bạ từ các nhà trường, cho phép nhà trường thu hồi hoặc báo cáo thay thế học bạ số trong trong thời hạn (chưa chốt dữ liệu học bạ).

Trước ngày 10/7 hằng năm (đối với học sinh đã được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học) và trước ngày 25/8 (đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học), Sở GDĐT báo cáo toàn bộ dữ liệu về học bạ thuộc phạm vi quản lý về Bộ GDĐT (qua CSDL ngành giáo dục) để sử dụng cho công tác quản lý nhà nước của Bộ và phục vụ tra cứu trên Cổng tra cứu học bạ.

2.2. Quản lý Học bạ số

- Việc tạo lập, phát hành học bạ số: do CSGD (nơi học sinh học tập) chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT.

- Phòng GDĐT quản lý Học bạ số theo phạm vi và thẩm quyền.

- Sở GDĐT xây dựng CSDL học bạ của địa phương.

- Bộ GDĐT xây dựng và quản lý Cổng tra cứu học bạ phục vụ truy cập, tra cứu học bạ toàn quốc. Thông tin về kết quả tra cứu học bạ trên Cổng tra cứu học bạ có giá trị pháp lý.

CSGD chịu trách nhiệm thực hiện tạo lập, phát hành và quản lý Học bạ số đối với từng học sinh học tập tại CSGD. Khi học sinh chuyển trường, thực hiện chuyển giao quyền quản lý. Học bạ số đảm bảo thủ tục chuyển trường theo quy định.

2.3 Sử dụng Học bạ số

a) Sử dụng bản giấy của Học bạ số

Học bạ số có thể được chuyển đổi sang bản giấy, có nội dung và thể thức in như mẫu học bạ do Bộ GDĐT quy định.

Khi cần, nơi sử dụng học bạ có thể tra cứu (theo mã tra cứu được cung cấp) trên Cổng tra cứu học bạ để xác thực nội dung thông tin của học bạ trên giấy.

b) Sử dụng Học bạ số trên môi trường số

Trên môi trường số, khi có yêu cầu về học bạ, người dùng có thể dùng bản mềm học bạ (xuất ra khi tra cứu trên Cổng tra cứu học bạ) để sử dụng

Khi cần, nơi sử dụng có thể tra cứu (theo mã tra cứu được cung cấp) trên Cổng tra cứu học bạ (hoặc ứng dụng VneID khi được tích hợp) để xác thực nội dung thông tin của học bạ.

Các thủ tục hành chính và dịch vụ trong nội bộ ngành giáo dục thực hiện kết nối và chia sẻ nội dung học bạ trên môi trường số (không khai báo hay nhập lại thông tin học bạ).

c) Tra cứu Học bạ số

Bộ GDĐT thiết lập Cổng tra cứu học bạ cho phép tổ chức, cá nhân có quyền được tra cứu thông tin học bạ theo quy định của pháp luật. Việc tra cứu phải đảm bảo biện pháp bảo mật, an toàn thông tin cá nhân. Ngoài ra, đề xuất Bộ Công an cho phép tích hợp truy cập Học bạ số trên ứng dụng VNeID.

Thông tin về kết quả tra cứu hiển thị trên Cổng tra cứu học bạ phải đầy đủ theo quy định, thông tin này có giá trị pháp lý để xác thực.

d) Thực hiện các thủ tục hành chính

Các phần mềm, ứng dụng, các dịch vụ công trực tuyến trong ngành Giáo dục phải bảo đảm các chức năng thực hiện các thủ tục hành chính sử dụng hoặc liên quan đến thông tin Học bạ số trong các CSGD.

2.4 Chính sửa thông tin Học bạ số

- Học bạ số chỉ được sửa chữa nếu có sai sót trước ngày chốt thông tin học bạ (quy định tại mục 2.1).

- Thẩm quyền sửa chữa và chịu trách nhiệm về thông tin học bạ thuộc về nhà trường nơi phát hành học bạ.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức triển khai thí điểm Học bạ số theo kế hoạch của Bộ GDĐT.

- Triển khai CSDL học bạ trên địa bàn quản lý.

- Triển khai hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu về học bạ số: đảm bảo kết nối phục vụ các cơ sở giáo dục báo cáo học bạ số về Sở và phục vụ việc báo cáo dữ liệu học bạ số từ Sở về Bộ GDĐT.

- Ban hành quy chế quản lý, sử dụng học bạ số trên địa bàn và các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở GDĐT về Học bạ số.

- Căn cứ *Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 Quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Công văn số 293/BCY-CTSBMTT ngày 22/8/2023 của Ban cơ yếu Chính phủ về việc cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ sử dụng giải pháp ký số tập trung* lựa chọn giải pháp trang bị chữ ký số cho cán bộ, giáo viên sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ và ký số Học bạ số.

- Đánh giá kết quả triển khai (đánh giá tác động đến các đối tượng liên quan đến phát hành, quản lý, sử dụng Học bạ số; kinh phí cho duy trì, vận hành hệ thống Học bạ số).

- Chỉ đạo các Phòng GDĐT, các CSGD thực hiện đánh giá kết quả triển khai.

3.3. Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thị xã

- Triển khai học bạ số trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của Phòng GDĐT về Học bạ số.

3.4. Các cơ sở giáo dục

- Tổ chức triển khai Học bạ số trong phạm vi nhà trường (tạo lập, quản lý, sử dụng) theo quy định.

- Nâng cấp phần mềm quản lý trường học đáp ứng các yêu cầu về triển khai Học bạ số.

Phụ lục 2 - Hiện trạng trang cấp chữ ký số các trường Mầm non, Tiểu học, THCS

| TT | Tên phòng Giáo dục và Đào tạo | Tổng số trường Mầm non | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Mầm non | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Mầm non đã có ký số cá nhân | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Mầm non chưa có ký số cá nhân | Tổng số trường tiểu học | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Tiểu học | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Tiểu học đã có ký số cá nhân | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Tiểu học chưa có ký số cá nhân | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS đã có ký số cá nhân | Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên THCS chưa có ký số cá nhân |
|-----|-------------------------------|------------------------|--|--|--|-------------------------|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Phòng GDĐT huyện Ba Vì | 41 | 2167 | 204 | 1963 | 36 | 1475 | 1109 | 366 | 1323 | 755 | 568 |
| 2. | Phòng GDĐT huyện Chương Mỹ | 42 | 1787 | 83 | 1704 | 38 | 1496 | 87 | 1409 | 1444 | 77 | 1367 |
| 3. | Phòng GDĐT huyện Đan Phượng | 19 | 788 | 19 | 769 | 20 | 689 | 681 | 8 | 593 | 583 | 10 |
| 4. | Phòng GDĐT huyện Đông Anh | 57 | 2393 | 77 | 2316 | 32 | 1814 | 1060 | 754 | 1772 | 1640 | 132 |
| 5. | Phòng GDĐT huyện Gia Lâm | 36 | 1620 | 1134 | 486 | 31 | 1452 | 1219 | 233 | 1030 | 927 | 103 |
| 6. | Phòng GDĐT huyện Hoài Đức | 42 | 1289 | 32 | 1257 | 27 | 957 | 925 | 32 | 897 | 812 | 85 |
| 7. | Phòng GDĐT huyện Mê Linh | 23 | 1419 | 151 | 1268 | 30 | 1169 | 334 | 835 | 972 | 371 | 601 |
| 8. | Phòng GDĐT huyện Mỹ Đức | 28 | 1613 | 340 | 1273 | 28 | 1045 | 155 | 890 | 965 | 448 | 517 |
| 9. | Phòng GDĐT huyện Phú Xuyên | 31 | 1719 | 31 | 1688 | 29 | 1066 | 29 | 1037 | 966 | 60 | 906 |
| 10. | Phòng GDĐT huyện Phúc Thọ | 25 | 1179 | 264 | 915 | 24 | 774 | 295 | 505 | 799 | 473 | 326 |
| 11. | Phòng GDĐT huyện Quốc Oai | 30 | 1696 | 1513 | 183 | 26 | 1124 | 1104 | 20 | 762 | 746 | 16 |
| 12. | Phòng GDĐT huyện Sóc Sơn | 108 | 1735 | 510 | 1225 | 38 | 1602 | 640 | 942 | 1164 | 580 | 584 |
| 13. | Phòng GDĐT huyện Thạch Thất | 32 | 1240 | 1240 | 0 | 27 | 1083 | 1083 | 0 | 1012 | 952 | 60 |
| 14. | Phòng GDĐT huyện Thanh Oai | 30 | 1343 | 60 | 1283 | 27 | 1077 | 54 | 1023 | 818 | 42 | 776 |
| 15. | Phòng GDĐT huyện Thanh Trì | 44 | 1939 | 67 | 1872 | 25 | 1249 | 799 | 450 | 1101 | 727 | 374 |
| 16. | Phòng GDĐT huyện Thường Tín | 32 | 1612 | 85 | 1527 | 30 | 1019 | 62 | 957 | 1002 | 57 | 945 |
| 17. | Phòng GDĐT huyện Ứng Hòa | 30 | 1425 | 79 | 1346 | 30 | 1036 | 58 | 944 | 1018 | 100 | 918 |
| 18. | Phòng GDĐT quận Ba Đình | 31 | 1157 | 310 | 847 | 21 | 2052 | 703 | 1349 | 1031 | 751 | 280 |
| 19. | Phòng GDĐT quận Bắc Từ Liêm | 29 | 1116 | 74 | 1042 | 20 | 1492 | 388 | 1104 | 968 | 56 | 912 |
| 20. | Phòng GDĐT quận Cầu Giấy | 51 | 2038 | 743 | 1295 | 25 | 1864 | 734 | 1130 | 2122 | 884 | 1238 |
| 21. | Phòng GDĐT quận Đống Đa | 39 | 1868 | 54 | 1814 | 24 | 1210 | 40 | 1170 | 1207 | 34 | 1173 |
| 22. | Phòng GDĐT quận Hà Đông | 75 | 2529 | 130 | 2399 | 37 | 2359 | 444 | 1915 | 2015 | 603 | 1412 |
| 23. | Phòng GDĐT quận Hai Bà Trưng | | 2000 | 800 | 1200 | | 904 | 346 | 558 | 1096 | 54 | 1042 |
| 24. | Phòng GDĐT quận Hoàn Kiếm | 21 | 763 | 610 | 153 | 18 | 582 | 368 | 214 | 576 | 488 | 88 |
| 25. | Phòng GDĐT quận Hoàng Mai | 50 | 1996 | 775 | 1221 | 24 | 1692 | 1230 | 462 | 1214 | 1044 | 170 |
| 26. | Phòng GDĐT quận Long Biên | 82 | 3538 | 160 | 3378 | 33 | 1246 | 558 | 688 | 1259 | 853 | 406 |
| 27. | Phòng GDĐT quận Nam Từ Liêm | 47 | 4564 | 210 | 4354 | 26 | 2635 | 566 | 2069 | 1987 | 365 | 1622 |
| 28. | Phòng GDĐT quận Tây Hồ | 21 | 583 | 20 | 563 | 15 | 605 | 457 | 148 | 556 | 414 | 142 |
| 29. | Phòng GDĐT quận Thanh Xuân | 46 | 842 | 106 | 736 | 14 | 1091 | 980 | 111 | 1093 | 984 | 109 |
| 30. | Phòng GDĐT thị xã Sơn Tây | 16 | 753 | 52 | 701 | 16 | 641 | 192 | 449 | 584 | 257 | 327 |
| | Tổng cộng: | 283 | 50.711 | 9.933 | 40.778 | 146 | 38.500 | 16.700 | 21.772 | 33.346 | 16.137 | 17.209 |

**Phụ lục 3 - Hiện trạng trang cấp chữ ký số các trường Trung học phổ thông
(Công lập)**

| TT | Tên đơn vị: | Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có: | Số lượng cán bộ, giáo viên đã được cấp chữ số cá nhân: | Số lượng cán bộ, giáo viên chưa có chữ ký số cá nhân: |
|----|------------------------------------|------------------------------------|---|---|
| | Công lập | 9289 | 4204 | 4343 |
| 1 | Phổ thông dân tộc nội trú | 51 | 51 | 0 |
| 2 | THPT Bắc Lương Sơn | 39 | 10 | 29 |
| 3 | THPT Bất Bạt | 60 | 53 | 7 |
| 4 | THPT CỎ LOA | 87 | 87 | 0 |
| 5 | THPT Chu Văn An | 116 | 2 | 114 |
| 6 | THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam | 126 | 1 | 125 |
| 7 | THPT Chương Mỹ A | 89 | 89 | 0 |
| 8 | THPT Đa Phúc | 86 | 86 | 0 |
| 9 | THPT Đại Cồ Việt | 44 | 0 | 44 |
| 10 | THPT Đan Phượng | 82 | 2 | 80 |
| 11 | THPT Đông Anh | 66 | 66 | 0 |
| 12 | THPT Đông Đa | 89 | 2 | 87 |
| 13 | THPT Hồng Thái | 70 | 1 | 69 |
| 14 | THPT Khương Đình | 96 | 2 | 94 |
| 15 | THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa | 86 | 2 | 84 |
| 16 | THPT Liên Hà | 90 | 83 | 7 |
| 17 | THPT Lưu Hoàng | 55 | 2 | 53 |
| 18 | THPT Lý Tử Tấn | 64 | 63 | 1 |
| 19 | THPT Mê Linh | 76 | 68 | 8 |
| 20 | THPT Minh Hà | 30 | 27 | 3 |
| 21 | THPT Minh Khai | 86 | 86 | 0 |
| 22 | THPT Minh Quang | 35 | 30 | 5 |
| 23 | THPT Mỹ Đức B | 81 | 81 | 0 |
| 24 | THPT Mỹ Đức C | 68 | 66 | 2 |
| 25 | THPT Ngọc Hồi | 78 | 2 | 76 |
| 26 | THPT Ngọc Tảo | 99 | 3 | 96 |
| 27 | THPT NGÔ QUYỀN - BA VÌ | 98 | 0 | 0 |
| 28 | THPT Ngô Thi Nhậm | 82 | 2 | 80 |
| 29 | THPT Nguyễn Du - Thanh Oai | 76 | 0 | 76 |
| 30 | THPT Nguyễn Gia Thiều | 98 | 90 | 8 |
| 31 | THPT Nguyễn Quốc Trinh | 94 | 2 | 92 |
| 32 | THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình | 87 | 2 | 85 |
| 33 | THPT Nguyễn Văn Cừ | 85 | 2 | 83 |
| 34 | THPT Nguyễn Văn Trỗi | 101 | 52 | 49 |
| 35 | THPT Phạm Hồng Thái | 90 | 75 | 15 |
| 36 | THPT Phan Đình Phùng | 102 | 20 | 82 |
| 37 | THPT Phú Xuyên A | 100 | 88 | 12 |
| 38 | THPT Phúc Thọ | 94 | 83 | 11 |
| 39 | THPT Phùng Khắc Khoan - Thạch Thất | 86 | 86 | 0 |
| 40 | THPT Quang Minh | 56 | 56 | 0 |
| 41 | THPT Quảng Oai | 92 | 9 | 83 |
| 42 | THPT Quang Trung - Đống Đa | 87 | 2 | 85 |
| 43 | THPT Sóc Sơn | 75 | 75 | 0 |
| 44 | THPT Sơn Tây | 119 | 1 | 118 |
| 45 | THPT Tân Dân | 70 | 65 | 5 |
| 46 | THPT Tân Lập | 69 | 3 | 66 |
| 47 | THPT Tiến Thịnh | 62 | 53 | 9 |

| TT | Tên đơn vị: | Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có: | Số lượng cán bộ, giáo viên đã được cấp chữ số cá nhân: | Số lượng cán bộ, giáo viên chưa có chữ ký số cá nhân: |
|----|--|------------------------------------|---|---|
| 48 | THPT Tô Hiệu - Thường Tín | 73 | 73 | 0 |
| 49 | THPT Tùng Thiện | 77 | 77 | 0 |
| 50 | THPT Tự Lập | 60 | 59 | 1 |
| 51 | THPT Thạch Thất | 104 | 2 | 102 |
| 52 | THPT Thanh Oai A | 81 | 81 | 0 |
| 53 | THPT Thăng Long | 97 | 16 | 81 |
| 54 | THPT Thường Tín | 78 | 78 | 0 |
| 55 | THPT Trần Hưng Đạo- Hà Đông | 87 | 86 | 1 |
| 56 | THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm | 95 | 2 | 93 |
| 57 | THPT Trương Định | 87 | 1 | 86 |
| 58 | THPT Ứng Hòa A | 80 | 71 | 9 |
| 59 | THPT Vân Tảo | 76 | 76 | 0 |
| 60 | THPT Xuân Khanh | 71 | 66 | 5 |
| 61 | THPT Xuân Mai | 100 | 100 | 0 |
| 62 | Trường Mầm non B | 32 | 1 | 31 |
| 63 | Trường Mầm Non Việt Triều hữu nghị | 40 | 2 | 38 |
| 64 | Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu | 80 | 2 | 78 |
| 65 | Trường tiểu học Bình Minh | 45 | 2 | 43 |
| 66 | Trường TH, THCS và THPT Khương Hạ | 31 | 1 | 30 |
| 67 | Trường Th, THCS và THPT Thực nghiệm KHGD | 120 | 120 | 0 |
| 68 | Trường THPT Ba Vì | 75 | 75 | 0 |
| 69 | Trường THPT Bắc Thăng long | 74 | 70 | 4 |
| 70 | Trường THPT Cao Bá Quát Gia Lâm | 88 | 85 | 3 |
| 71 | Trường THPT Cầu Giấy | 97 | 2 | 95 |
| 72 | Trường THPT Chúc Động | 90 | 90 | 0 |
| 73 | Trường THPT Chương Mỹ B | 91 | 2 | 89 |
| 74 | Trường THPT Dương Xá | 80 | 71 | 9 |
| 75 | Trường THPT ĐOÀN KẾT - HAI BÀ TRUNG | 95 | 2 | 93 |
| 76 | Trường THPT Đống Đa | 99 | 2 | 97 |
| 77 | Trường THPT Đông Mỹ | 74 | 1 | 73 |
| 78 | Trường THPT Đồng Quan | 76 | 76 | 0 |
| 79 | Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất | 78 | 2 | 76 |
| 80 | Trường THPT Hoài Đức C | 39 | 5 | 34 |
| 81 | Trường THPT Hoàng Văn Thụ | 83 | 1 | 82 |
| 82 | Trường THPT Kim Liên | 98 | 0 | 98 |
| 83 | TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG | 31 | 1 | 30 |
| 84 | Trường THPT Lê Lợi | 76 | 76 | 0 |
| 85 | Trường THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa | 86 | 3 | 83 |
| 86 | Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông | 96 | 96 | 0 |
| 87 | Trường THPT Minh Phú | 47 | 2 | 45 |
| 88 | Trường THPT Ngô quyền - Ba Vì | 105 | 2 | 103 |
| 89 | Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền - Ứng Hòa | 20 | 0 | 20 |
| 90 | Trường THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín | 57 | 57 | 0 |
| 91 | Trường THPT Nhân Chính | 66 | 1 | 65 |

| TT | Tên đơn vị: | Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có: | Số lượng cán bộ, giáo viên đã được cấp chữ số cá nhân: | Số lượng cán bộ, giáo viên chưa có chữ ký số cá nhân: |
|-----|---------------------------------------|------------------------------------|---|---|
| 92 | Trường THPT Phan Huy Chú-Quốc Oai | 40 | 4 | 36 |
| 93 | Trường THPT Phú Xuyên B | 86 | 77 | 0 |
| 94 | Trường THPT Quốc Oai | 93 | 92 | 1 |
| 95 | Trường THPT Tây Hồ | 76 | 75 | 1 |
| 96 | Trường THPT Thạch Bàn | 68 | 2 | 66 |
| 97 | Trường THPT Thanh Oai B | 82 | 82 | 0 |
| 98 | Trường THPT Thọ Xuân | 41 | 2 | 7 |
| 99 | Trường THPT Thượng Cát | 76 | 76 | 0 |
| 100 | TRƯỜNG THPT TRUNG VĂN | 83 | 72 | 11 |
| 101 | Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức | 84 | 84 | 0 |
| 102 | Trường THPT Vân Cốc | 57 | 2 | 55 |
| 103 | Trường THPT Vân Nội | 89 | 88 | 1 |
| 104 | Trường THPT Việt Đức | 89 | 2 | 87 |
| 105 | Trường THPT Xuân Đỉnh | 100 | 2 | 98 |
| 106 | Trường THPT Xuân Giang | 64 | 3 | 61 |
| 107 | Trường THPT Xuân Phương | 75 | 11 | 64 |
| 108 | Trường THPT Yên Hòa | 98 | 2 | 96 |
| 109 | Trường THPT Yên Lãng | 71 | 71 | 0 |
| 110 | Trường THPT Yên Viên | 84 | 2 | 82 |
| 111 | Trường Trung học phổ thông Chu Văn An | 136 | 1 | 135 |
| 112 | trường THPT Nguyễn Huệ | 58 | 2 | 56 |
| 113 | THCS - THPT Trần Quốc Tuấn | 154 | 2 | 152 |
| 114 | THPT Hoàng Cầu | 79 | 2 | 77 |
| 115 | THPT Phan Huy Chú - Đống Đa | 75 | 75 | 0 |
| 116 | THPT Trần Quốc Tuấn | 68 | 2 | 66 |
| 117 | Trường THCS-THPT Trần Quốc Tuấn | 156 | 2 | 154 |

**Phụ lục 4 - Hiện trạng trang cấp chữ ký số các trường Trung học phổ thông
(Ngoài Công lập)**

| TT | Tên đơn vị: | Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có: | Số lượng cán bộ, giáo viên đã được cấp chữ số cá nhân: | Số lượng cán bộ, giáo viên chưa có chữ ký số cá nhân: |
|----|---|------------------------------------|---|---|
| | Tổng ngoài công lập | 4298 | 621 | 3677 |
| 1 | TH, THCS và THPT True North | 24 | 2 | 22 |
| 2 | TH, THCS & THPT SenTia | 80 | 0 | 80 |
| 3 | TH, THCS và THPT Quốc tế Nhật Bản | 72 | 0 | 72 |
| 4 | THCS - THPT Hà Thành | 80 | 0 | 80 |
| 5 | THCS & THPT TH School Hòa Lạc | 38 | 2 | 36 |
| 6 | THCS và THPT Nguyễn Siêu | 80 | 80 | 0 |
| 7 | THCS và THPT Việt Úc Hà Nội | 22 | 5 | 17 |
| 8 | THCS&THPT Alfred Nobel | 46 | 2 | 44 |
| 9 | THCS&THPT Lương Thế Vinh | 181 | 0 | 181 |
| 10 | THCS&THPT TH School Hòa Lạc | 38 | 1 | 37 |
| 11 | THPT Bình Minh | 50 | 10 | 40 |
| 12 | THPT ĐẶNG TIẾN ĐÔNG | 22 | 0 | 0 |
| 13 | THPT Đinh Tiên Hoàn | 64 | 3 | 61 |
| 14 | THPT Đoàn Thị Điểm | 214 | 2 | 212 |
| 15 | THPT FPT | 203 | 1 | 202 |
| 16 | THPT H.A.S | 51 | 0 | 51 |
| 17 | THPT Hà Đông | 77 | 2 | 75 |
| 18 | THPT Hoàng Diệu | 38 | 1 | 37 |
| 19 | THPT Hoàng Long | 64 | 2 | 62 |
| 20 | THPT Hoàng Mai | 116 | 2 | 114 |
| 21 | THPT Hồ Tùng Mậu | 43 | 34 | 9 |
| 22 | THPT Huỳnh Thúc Kháng | 101 | 20 | 81 |
| 23 | THPT KINH ĐÔ | 31 | 0 | 31 |
| 24 | THPT Lương Văn Can | 43 | 42 | 1 |
| 25 | THPT Lý Thánh Tông | 58 | 19 | 39 |
| 26 | THPT Mạc Đĩnh Chi | 46 | 1 | 45 |
| 27 | THPT MAY | 72 | 2 | 70 |
| 28 | THPT Nguyễn Bình Khiêm-Phú Xuyên | 72 | 50 | 22 |
| 29 | THPT Phan Bội Châu | 68 | 1 | 67 |
| 30 | THPT Tân Phú - Ba Vì | 37 | 0 | 37 |
| 31 | THPT Tô Hiến Thành | 32 | 1 | 31 |
| 32 | THPT Trần Đại Nghĩa | 40 | 2 | 38 |
| 33 | THPT Vạn Xuân - Long Biên | 33 | 1 | 32 |
| 34 | THPT Wellspring - Mùa Xuân | 50 | 2 | 48 |
| 35 | Trường Hà Nội - Toronto | 12 | 8 | 4 |
| 36 | Trường PT Hồng Đức | 26 | 7 | 19 |
| 37 | Trường PT Nguyễn Trục | 35 | 0 | 35 |
| 38 | Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao Hà Nội | 78 | 2 | 76 |
| 39 | Trường Phổ Thông Nguyễn Trục | 35 | 0 | 35 |

| TT | Tên đơn vị: | Tổng số cán bộ, giáo viên hiện có: | Số lượng cán bộ, giáo viên đã được cấp chữ số cá nhân: | Số lượng cán bộ, giáo viên chưa có chữ ký số cá nhân: |
|----|--|------------------------------------|---|---|
| 40 | Trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đông Anh | 42 | 0 | 42 |
| 41 | Trường Tiểu học, THCS, THPT Everest | 123 | 103 | 20 |
| 42 | Trường Tiểu học, Trung học Cơ sở, Trung học Phổ Thông Brighton College Việt Nam - Ocean Park | 25 | 25 | 0 |
| 43 | Trường TH, THCS & THPT Vinschool Smart City | 71 | 2 | 69 |
| 44 | Trường THCS và THPT Dewey | 85 | 0 | 0 |
| 45 | Trường THCS và THPT M.V. Lô-mô-nô-xốp | 151 | 2 | 149 |
| 46 | Trường THCS&THPT Lê Quý Đôn | 53 | 2 | 51 |
| 47 | Trường THPT An Dương Vương | 52 | 49 | 3 |
| 48 | Trường THPT Bắc Đuống | 45 | 15 | 30 |
| 49 | Trường THPT Bắc Hà - Đống Đa | 31 | 10 | 21 |
| 50 | Trường THPT Đào Duy Từ | 101 | 4 | 97 |
| 51 | Trường THPT Đặng Thai Mai | 18 | 1 | 17 |
| 52 | Trường THPT Đông Kinh | 67 | 7 | 60 |
| 53 | Trường THPT Hà Nội Academy | 30 | 0 | 30 |
| 54 | Trường THPT IVS | 44 | 5 | 39 |
| 55 | Trường THPT Lê Thánh Tông | 38 | 1 | 37 |
| 56 | Trường THPT Lê Văn Thiêm | 85 | 2 | 83 |
| 57 | Trường THPT Lương Thế Vinh - Ba Vì | 41 | 0 | 41 |
| 58 | Trường THPT Lý Thái Tổ | 54 | 2 | 52 |
| 59 | Trường THPT Ngô Gia Tự | 65 | 6 | 59 |
| 60 | Trường THPT Nguyễn Du - Mê Linh | 6 | 2 | 4 |
| 61 | Trường THPT Nguyễn Văn Huyền | 30 | 0 | 22 |
| 62 | Trường THPT Olympia | 66 | 2 | 64 |
| 63 | Trường THPT Phùng Hưng | 35 | 23 | 12 |
| 64 | Trường THPT Tô Hiệu - Gia Lâm | 41 | 10 | 31 |
| 65 | Trường THPT Thanh Xuân | 37 | 34 | 3 |
| 66 | Trường THPT Trần Quang Khải | 26 | 1 | 25 |
| 67 | TH, THCS và THPT Vinschool (Times City) | 192 | 2 | 190 |
| 68 | THCS&THPT Phenikaa | 87 | 2 | 85 |
| 69 | THPT Phan Huy Chú - Thạch Thất | 40 | 2 | 38 |
| 70 | THPT TÂY HÀ NỘI | 45 | 0 | 45 |